

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

LÊ TRUNG KIÊN (*)
NGUYỄN THỊ THU TRANG (**)

Tóm tắt: Trong di sản vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng, thể hiện tầm nhìn vượt thời đại và triết lý nhân văn sâu sắc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là một thể thống nhất, biện chứng, thông qua những nội dung mang tính bản chất, không thể tách rời, định hướng mục tiêu phát triển trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: Mối quan hệ; phát triển kinh tế; tiến bộ, công bằng xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh.

Abstract: Within President Ho Chi Minh's great ideological legacy, his thought on the relationship between economic development and the realization of social progress and justice holds a particularly important position, reflecting both a visionary perspective and profound humanistic philosophy. Ho Chi Minh's view on this relationship represents a unified and dialectical whole, encompassing essential, inseparable principles that guide the goals of development in the process of building socialism in Vietnam.

Keywords: Relationship; economic development; social progress and justice; Ho Chi Minh's thought.

Ngày nhận bài: 10/8/2025 Ngày biên tập: 08/10/2025 Ngày duyệt đăng: 19/10/2025

1. Phát triển kinh tế là cơ sở, nền tảng và là điều kiện tiên quyết để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Thứ nhất, phát triển kinh tế nhằm mục tiêu “ăn no, mặc đủ, có chỗ ở, có học hành” cho Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng một quốc gia nghèo đói, lạc hậu thì không thể nói đến công bằng hay tiến bộ. Người luôn đặt những vấn đề kinh tế trong mối quan hệ chặt chẽ với những vấn đề chính trị - xã hội, đặc biệt là cần phải giải quyết các vấn đề cơ bản của con người, trước hết phải lo cho dân

có ăn, có mặc, có chỗ ở và được học hành. Đó là đời sống vật chất và những lợi ích thiết thân cần có cho mỗi người dân. Bởi vì: “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁽¹⁾. Đây là mục tiêu tối thượng, là đích đến của mọi nỗ lực phát triển kinh tế và là thước đo có ý giá trị trong mỗi chính sách và biện pháp kinh tế của nước Việt Nam mới.

Mục đích nâng cao đời sống của Nhân dân chi phối mọi đường lối, kế hoạch và cách thức tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế. Từ đó, dần dần từng bước làm cho mục tiêu ngày càng cao hơn: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ, Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước”⁽²⁾.

(*), (**) TS; Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Phát triển kinh tế nhằm “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”⁽³⁾, hướng đến sự phát triển bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Thứ hai, phát triển kinh tế là “xương sống”, “cái thực” để “vực được đạo”.

Phát triển trên cơ sở “cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”⁽⁴⁾, để có cơ sở thực tế “có thực mới vực được đạo” trong giải quyết đời sống dân sinh và qua đó đặt ra những yêu cầu mới ngày càng cao hơn về việc đề ra chủ trương, chính sách, điều hành, tổ chức quản lý phát triển xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng Việt Nam xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp lạc hậu cho nên việc phát triển công nghiệp hóa là con đường để cải thiện đời sống nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Đời sống cho Nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi: dùng máy móc cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Máy sẽ chấp thêm tay cho người, làm cho sức người tăng lên gấp trăm, nghìn lần và giúp người làm những việc phi thường. Muốn có nhiều máy, thì phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, thép, than, dầu... Đó là con đường phải đi của chúng ta: Con đường công nghiệp hóa nước nhà”⁽⁵⁾.

Thứ ba, phát triển kinh tế hiệu quả, tạo ra của cải vật chất thúc đẩy mạnh mẽ phát triển tiến bộ, công bằng về văn hóa, giáo dục và con người.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt vấn đề ăn (rồi đến vấn đề mặc và các vấn đề khác)”⁽⁶⁾. Muốn có cả đời sống vật chất và tinh thần thì càng cần phải có những điều kiện về cơ sở vật chất là phải xây dựng một phương thức sản xuất hiện đại để tạo ra năng suất lao động cao, khối lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ phong phú, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người.

Trong hoạch định chính sách phát triển và an sinh xã hội, cần phải có sự tính toán kỹ lưỡng, chi tiết, bảo đảm hài hòa giữa sản xuất và tiêu dùng, lao động và thu nhập, giữa đầu tư cho phát triển và giải quyết chế độ, chính sách. Người chủ trương: “Quản lý một nước



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy in Tiến Bộ ngày 14/5/1959

cũng như quản lý một doanh nghiệp: phải có lãi. Cái gì ra, cái gì vào, việc gì phải làm ngay, việc gì chờ, hoãn, hay bỏ, món nào đáng tiêu, người nào đáng dùng, tất cả mọi thứ đều phải tính toán cẩn thận”⁽⁷⁾. Người đòi hỏi “phải tìm cách tổ chức sắp đặt cho hợp lý, để một người có thể làm việc như hai người, 1 ngày có thể làm việc của 2 ngày, 1 đồng chí có thể dùng bằng 2 đồng chí”⁽⁸⁾.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải thay đổi nhiều cấu trúc kinh tế cũ nhằm xây dựng hệ giá trị của nền kinh tế mới, có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý, không còn áp bức, bất công, bóc lột, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi với miền núi, con người được giải phóng và có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên. Kinh tế tạo ra của cải vật chất thúc đẩy mạnh mẽ phát triển tiến bộ, công bằng về văn hóa, giáo dục và con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ “Chúng ta phải biến một nước đốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”⁽⁹⁾. Đó là mô hình xã hội tổng quát, trong đó yếu tố kinh tế là trung tâm góp phần làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội, xây dựng và củng cố nền độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng, ấm no, công bằng, bác ái. Bởi vậy, phát triển toàn diện, trong đó có phát triển kinh tế trở thành nhu cầu tất yếu trong bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, Nhà nước thúc đẩy thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong hoạch định chiến lược phát triển thì phải tích cực thúc đẩy thi đua lao động sản xuất kết hợp với tiết kiệm để tạo ra của cải dồi dào, có tích lũy, có nguồn lực để tái sản xuất và thực hiện phúc lợi cho người lao động. Người cho rằng: “Tiết kiệm nghĩa là: 1 giờ làm xong công việc của 2, 3 giờ. 1 người làm bằng 2, 3 người. 1 đồng dùng bằng giá trị 2, 3 đồng”⁽¹⁰⁾. Người đánh giá: “Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô”⁽¹¹⁾. Nhưng tiết kiệm không đồng nghĩa với bủn xỉn, manh mún, hà tiện, coi đồng tiền to như cái nống (cái nong), mà “khi có việc đáng làm, việc lợi ích cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng”⁽¹²⁾. Tiết kiệm về của cải, tiền bạc, thời gian, sức lực (sức dân); thậm chí là “kiệm lời”, “nói thì phải làm”, “nói ít, bắt đầu bằng hành động”⁽¹³⁾.

Với các cơ quan, đoàn thể, Người khuyên không nên họp nhiều, phải hết sức tránh “tình trạng là hội mà không nghị, nghị mà không quyết, quyết rồi mà không làm”⁽¹⁴⁾. Nếu coi hành động là biểu hiện của đạo đức thì có thể coi sự tiết kiệm lời (chỉ nói những điều thiết thực nhất) là biểu hiện của đức tính cẩn trọng, trung tín của con người. Đồng thời, thực hiện chế độ lương, thưởng, chính sách khích lệ nhằm kích thích động lực của người lao động, đi đôi với tiết kiệm không chỉ xuất phát từ yêu cầu cho mỗi cá nhân, mà còn xuất phát từ yêu cầu cho sự phát triển xã hội bền vững và lâu dài.

2. Tiến bộ và công bằng xã hội là mục tiêu, thước đo giá trị và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế

Thứ nhất, tiến bộ, công bằng xã hội là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không coi kinh tế là mục đích tự thân, mà là phương tiện để đạt được mục tiêu cao cả hơn - xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ, nơi con người được phát triển toàn diện. Đó là đặc trưng ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Người nhấn mạnh: công bằng về cơ hội phát triển chính là nội dung cốt lõi của công bằng xã hội, của

giá trị bình đẳng, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho mỗi người dân. Điều này khác với sự cào bằng bình quân chủ nghĩa. Trong cách diễn đạt của Người, tuy không trực tiếp đề cập đến thuật ngữ “phát triển bền vững”, ít đề cập đến “tiến bộ xã hội”, “công bằng xã hội” như hiện nay, nhưng mục tiêu, đặc trưng, nguyên tắc, mối quan hệ giữa các thành tố trong phát triển tiến bộ, công bằng, bền vững đã được Người đề cập đến từ rất sớm, thậm chí có những dự báo chính xác, toàn diện, hệ thống về những nội dung liên quan đến phát triển bền vững, trong đó: phúc lợi xã hội phải quan tâm đến gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số,... Đó là nỗ lực của Người về một chế độ xã hội thật sự tốt đẹp, “chính trị tự do và công bằng xã hội, cho cả các dân tộc và cả mọi người”⁽¹⁵⁾.

Đặt mục tiêu thực hiện công bằng xã hội bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế là sự thể hiện lập trường, quan điểm nhất quán của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phấn đấu “làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁽¹⁶⁾, Nhân dân ngày càng sung sướng, ai nấy đều được đi học tiến bộ, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, dần xóa bỏ những bất công hay phong tục, tập quán không tốt; là xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt. Do đó, trong mỗi chặng đường phát triển cần nêu cao nguyên tắc công bằng, bình đẳng cho người dân. Người từng nói: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”⁽¹⁷⁾.

Thứ hai, tiến bộ, công bằng xã hội là thước đo giá trị phát triển kinh tế.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục tiêu và từng bước thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội sẽ khuyến khích mỗi người, nhất là lao động có cơ hội vươn lên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề kỹ thuật, để tham gia các hoạt động kinh tế hiệu quả, có năng suất lao động cao, có thu nhập cao và có điều kiện thụ hưởng các giá trị của đời sống. Con người được phát triển toàn diện, đời sống được nâng cao là tiêu chí tổng quát, thang giá trị đúng với quy luật tiến bộ xã hội.

Một nền kinh tế phát triển mà con người chỉ biết làm giàu cho bản thân, thiếu đạo đức, văn hóa thì đó không phải là “tiến bộ” theo đúng nghĩa. Người nhấn mạnh “cần, kiệm, liêm, chính” phải đi đôi với “dân giàu, nước mạnh”. Vì vậy, bên cạnh các mặt tích cực, đồng thời phải biết cách ngăn chặn, phòng tránh các mặt tiêu cực, không vì phát triển, tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà làm phương hại các mặt khác của cuộc sống con người.

Thứ ba, tiến bộ, công bằng xã hội tạo động lực cho sự ổn định và phát triển kinh tế.

Khi thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển văn hóa làm cho mỗi người nhận rõ quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình; góp phần củng cố sự đồng thuận, đoàn kết, tạo ra động lực quan trọng để thúc đẩy khả năng tái sản xuất sức lao động xã hội, tạo niềm tin, sự hứng khởi của quần chúng nhân dân, sức mạnh tinh thần này như một lực đẩy, đòn bẩy giúp phát triển kinh tế đạt hiệu quả cao. Đồng thời, đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực để xây dựng đời sống kinh tế - xã hội lành mạnh, công bằng, tiến bộ và bền vững. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa cá nhân là “giặc nội xâm”, “giặc trong lòng”, “thứ vi trùng rất độc”, “là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội”, đẻ ra nhiều thứ bệnh nguy hiểm: “tham ô, tham nhũng”, “đặc quyền, đặc lợi”, đòi hỏi mỗi người “phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng và kiên quyết tiêu diệt”⁽¹⁸⁾. Theo Người, cần phải có tinh thần đồng cam cộng khổ, tương thân tương ái, hỗ trợ sẻ chia lẫn nhau, nhưng cũng phải tránh tư tưởng bình quân chủ nghĩa, bởi “Bình quân chủ nghĩa là trái chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁹⁾.

Thứ tư, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước đi, từng chính sách kinh tế, xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng trong mỗi chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế đều phải hướng tới và đồng hành với mục tiêu phát triển xã hội; khuyến khích mỗi gia đình, mỗi người tích cực làm giàu hợp pháp phải đi đôi với “xóa đói, giảm nghèo bền vững”. Từng chính sách kinh tế đều phải được xây dựng trên nguyên tắc “vì dân, do dân”. Người phê phán tư tưởng “phát triển kinh tế bằng mọi giá”, bất chấp những hệ lụy xã hội. Người tập trung

quan tâm giải quyết triệt để những vấn đề thiết thực với đời sống, phục vụ và cải thiện đời sống để mang lại quyền lợi chính đáng cho người dân, nâng cao dân trí để phát triển kinh tế bền vững và không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt là phải giải quyết vấn đề “ruộng đất cho dân cày”. Đây chính là sức mạnh của công bằng xã hội.

3. Yếu tố bảo đảm việc gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Thứ nhất, nguyên tắc không ngừng lao động, phân phối phúc lợi công bằng, “làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức lao động và sức sản xuất là nhân tố quan trọng và quyết định đến lực lượng sản xuất. “Nhiều người lao động” là nói đến yếu tố số lượng lao động, “mỗi người sản xuất được nhiều” là yếu tố chất lượng lao động, và hai yếu tố này không thể tách rời nhau. Người khẳng định: “Muốn làm ra nhiều của cải, phải có hai điều kiện: Một là phải có nhiều người sản xuất. Hai là mỗi người phải sản xuất được nhiều. Hai điều này thật ra không hề tách rời nhau”⁽²⁰⁾. Người lý giải “mỗi người sản xuất được nhiều thì phải luôn luôn cố gắng cải tiến kỹ thuật và giữ vững kỷ luật lao động”, và “công nhân phải thạo kỹ thuật”. Cho nên, Người luôn khuyến khích: “Thợ học cho tinh xảo... thợ vui vẻ làm việc thì lợi nhuận sẽ tăng gấp 5, gấp 10”⁽²¹⁾.

Người chú trọng các yếu tố tạo ra động lực trong lao động sản xuất và thực hiện công bằng xã hội, trong đó thường xuyên quan tâm đến mối quan hệ giữa thi đua và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Người cho rằng: “Phải tổ chức nhau lại. Có tổ chức để tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, thì của cải chúng ta ngày càng nhiều, đời sống càng được cải thiện. Phải tổ chức để thi đua, thi đua để tăng gia sản xuất và phải biết tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống”⁽²²⁾. Người chủ trương thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: “Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng; không còn người bóc lột người”⁽²³⁾. Đây là nguyên tắc công bằng và phù hợp. Nguyên tắc công bằng được thiết lập trên cơ sở từ những sở trường, năng lực và

tính cách khác nhau nhưng đều có tinh thần cần cù lao động và thụ hưởng những thành quả của sức lao động để tiến đến một “xã hội giàu”, mà ở đó “ai cũng đưa hết tài năng của mình cống hiến cho xã hội, đồng thời ai cần dùng bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu”⁽²⁴⁾. Công bằng xã hội góp phần không ngừng nâng cao mức sống, sinh hoạt cho mỗi người, qua đó có điều kiện để phát triển bản thân.

Thứ hai, tôn chỉ mục tiêu, lý tưởng của Đảng vì Nhân dân, phát huy vai trò của Nhà nước trong điều tiết, khuyến khích và bảo đảm công bằng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh Nhà nước phải có kế hoạch, chính sách đúng đắn, góp phần kiến tạo, phục vụ cho công cuộc xây dựng, phát triển và bảo đảm công bằng xã hội. Theo Người, phải xây dựng kế hoạch trước và phù hợp với thực tế, đặc điểm của sự phát triển. “Kế hoạch không nên sứt lại sau, nhưng cũng không nên chạy quá trước sự phát triển của công nghệ, không nên xa rời nông nghiệp, không nên quên lãng sức tiết kiệm của ta”⁽²⁵⁾. Đặc điểm lớn nhất trong kinh tế có liên quan đến nhiều vật tư, tiền của, nên cán bộ rất dễ bị tha hóa, cám dỗ, biến chất, nếu công tác quản trị không minh bạch, chặt chẽ sẽ gây thất thoát, kìm hãm hoặc hậu quả xấu cho phát triển. Vì vậy, Người yêu cầu “quản trị phải dân chủ, công bằng, minh bạch”⁽²⁶⁾, cán bộ quản lý kinh tế phải có những phẩm chất, tư cách và được đào tạo tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Người nêu lên các vấn đề giá, lương, tiền, thuế, khoán, thưởng và phạt đều có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau; việc quan tâm, khích lệ sẽ kích thích mỗi người, mỗi nhà, cơ quan, đơn vị nâng cao chất lượng lao động, sản xuất nhiều - nhanh - tốt - rẻ, tạo ra sản phẩm ích nước, lợi nhà, vừa có lợi chung và vừa có lợi riêng. Người chủ trương một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, làm đòn bẩy tăng trưởng và giải quyết các vấn đề xã hội. Nhà nước cũng bảo hộ quyền sở hữu tư liệu sản xuất và của cải của các thành phần kinh tế khác. Đồng thời, chủ trương “các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải

khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng cho ta, để phát triển khả năng của ta”⁽²⁷⁾. Đây là tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế đối ngoại nhằm góp phần tạo ra động lực phát triển ở trong nước và nguồn lực đa dạng cho việc thúc đẩy các thành phần kinh tế và sở hữu khác nhau.

Để hiểu đúng và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cần tránh những cách làm rập khuôn máy móc, giáo điều, mà cần phải linh hoạt những quan điểm, nguyên tắc có tính định hướng về phương pháp luận phù hợp với thực tiễn, tình hình, đặc điểm kinh tế Việt Nam để thực hiện chính sách xã hội cho thiết thực và phù hợp, cụ thể, toàn diện và khoa học, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, đổi mới và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới hiện nay./.

Ghi chú:

(1), (15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.175, tr.420.

(2), (21) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, sđd, tr.81, tr.124.

(3), (26) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 13, sđd, tr.30, tr.200.

(4), (10), (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, sđd, tr.123, tr.124, tr.123.

(5), (13) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sđd, tr.457, tr.457.

(6), (14) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 10, Nxb CTQG -ST, H.1996, tr.139, tr.139.

(7), (8) Hồ Chí Minh, *Về kinh tế và quản lý kinh tế*, Nxb Thông tin lý luận, H.1990, tr.82-83, tr.82.

(9), (22), (24) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, sđd, tr.92, tr.414, tr.242.

(11), (20), (25) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, sđd, tr.357, tr.365; tr.366.

(16), (23) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sđd, tr.415, tr.499, tr.431.

(17) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, sđd, tr.224.

(18) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 14, sđd, tr.469.

(19), (27) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, sđd, tr.583, tr.56-57.

(20) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sđd, tr.499.